

## ĐỀ SỐ 2 (UNIT 7 & 8)

### I - Choose the best option to complete each of the following sentences.

1. It's an interesting \_\_\_\_\_. You can play games or answer questions to win prizes.  
A. weatherman                      B. character                      C. game show                      D. channel
2. Boys and girls in "Listen to your kids" program on VTV3 are so \_\_\_\_\_ and pretty.  
A. slow                      B. stupid                      C. fair                      D. cute
3. \_\_\_\_\_ is a long running race of about 42 kilometres.  
A. Marathon                      B. Volleyball                      C. Skateboard                      D. Basketball

### II - Complete the following sentences using the given words in the box. There is ONE extra word.

newsreader	skateboard	goggles	sporty
------------	------------	---------	--------

1. Wearing \_\_\_\_\_ when swimming helps protect your eyes from water.
2. Van Anh is a good \_\_\_\_\_ as she reads the news very clearly and attentively.
3. In \_\_\_\_\_, you need a short narrow board to stand on and ride as a sport.

### III - Choose the best option to complete each of the following sentences.

1. My father likes watching football, \_\_\_\_\_ I like watching game shows.  
A. or                      B. when                      C. so                      D. but
2. I have to get up early tomorrow, \_\_\_\_\_ I go to bed early tonight.  
A. so                      B. although                      C. because                      D. and
3. Nam is still watching TV \_\_\_\_\_ it's late now.  
A. because                      B. so                      C. although                      D. when

### IV - Use the verbs given in the box to complete the imperative sentences. There is ONE extra verb.

litter	watch	mind	Ask
--------	-------	------	-----

1. TV is a good source of information, but \_\_\_\_\_ it too much.
2. \_\_\_\_\_ your parents for permission before going out!
3. We have to keep this area clean. \_\_\_\_\_ here.

## ĐÁP ÁN

### I - Choose the best option to complete each of the following sentences.

1. **Đáp án:** C. game show

#### Giải thích:

- A. weatherman (n.): người thông báo tin thời tiết                      B. character (n.): nhân vật  
C. game show (n.): trò chơi truyền hình                      D. channel (n.): kênh

Xét về nghĩa, phương án c phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** It's an interesting game show. You can play games or answer questions to win prizes. (Đó là một trò chơi truyền hình thú vị. Bạn có thể chơi trò chơi hoặc trả lời các câu hỏi để giành giải thưởng.)

---

**2. Đáp án: D. cute**

**Giải thích:**

A. slow (*adj.*): chậm            B. stupid (*adj.*): ngu ngốc

C. fair (*adj.*): công bằng       D. cute (*adj.*): đáng yêu

Xét về nghĩa, phương án D phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** Boys and girls in “Listen to your kids” program on VTV3 are so cute and pretty. (*Những bé trai và bé gái trong chương trình “Lắng nghe con yêu” trên VTV3 thật dễ thương và xinh xắn.*)

**3. Đáp án: A. Marathon**

**Giải thích:**

A. Marathon (*n.*): Ma-ra-tông

B. Volleyball (*n.*): Bóng chuyền

C. Skateboard (*n.*): Trượt ván

D. Basketball (*n.*): Bóng rổ

Xét về nghĩa, phương án A phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** Marathon is a long running race of about 42 kilometres. (*Ma-ra-tông là một cuộc chạy đua dài khoảng 42 km.*)

**II - Complete the following sentences using the given words in the box. There is ONE extra word.**

**1. Đáp án: goggles**

**Giải thích:** Trước vị trí cần điền là động từ dạng V-ing “wearing” nên ta cần một danh từ làm tân ngữ. Dựa vào nghĩa của câu, danh từ “goggles” (kính bơi) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** Wearing goggles when swimming helps protect your eyes from water. (*Đeo kính bơi khi bơi giúp bảo vệ mắt khỏi nước.*)

**2. Đáp án: newsreader**

**Giải thích:** Trước vị trí cần điền là tính từ “good” nên ta cần một danh từ. Dựa vào nghĩa của câu, danh từ “newsreader” (người đọc tin tức) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** Van Anh is a good newsreader as she reads the news very clearly and attentively. (*Vân Anh là người đọc tin tốt vì cô ấy đọc tin tức rất rõ ràng và chăm chú.*)

**3. Đáp án: skateboard**

**Giải thích:** Trước vị trí cần điền là giới từ “in” nên ta cần một danh từ. Dựa vào nghĩa của câu, danh từ “skateboard” (trượt ván) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** In skateboard, you need a short narrow board to stand on and ride as a sport. (*Trong môn trượt ván, bạn cần một tấm ván hẹp ngắn để đứng và trượt đi như một môn thể thao.*)

**III - Choose the best option to complete each of the following sentences.**

**1. Đáp án: D. but**

---

**Giải thích:** Thông tin “tôi thích xem trò chơi truyền hình” ở vế sau khác biệt so với thông tin “bố tôi thích xem bóng đá” ở vế trước nên liên từ “but” (nhưng) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** My father likes watching football, but I like watching game shows. (*Bố tôi thích xem bóng đá nhưng tôi thích xem các trò chơi truyền hình.*)

**2. Đáp án: A. so**

**Giải thích:** Việc “tôi đi ngủ sớm” là kết quả của việc “ngày mai tôi phải dậy sớm” nên liên từ “so” (thế nên) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** I have to get up early tomorrow, so I go to bed early tonight. (*Ngày mai tôi phải dậy sớm nên tối nay tôi đi ngủ sớm.*)

**3. Đáp án: C. although**

**Giải thích:** “Nam vẫn xem TV” khi “đã muộn” nên liên từ “although” (mặc dù) thể hiện sự nhượng bộ là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** Nam is still watching TV although it's late now. (*Nam vẫn đang xem tivi mặc dù bây giờ đã muộn.*)

**IV - Use the verbs given in the box to complete the imperative sentences. There is ONE extra verb.**

**1. Đáp án: don't watch**

**Giải thích:** Dựa vào nghĩa của câu, động từ “watch” (xem) ở dạng câu mệnh lệnh phủ định (don't watch) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** TV is a good source of information, but don't watch it too much. (*Tivi là một nguồn thông tin tốt nhưng đừng xem quá nhiều.*)

**2. Đáp án: Ask**

**Giải thích:** Dựa vào nghĩa của câu, động từ “ask” (hỏi) ở dạng câu mệnh lệnh khẳng định (ask) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** Ask your parents for permission before going out! (*Hãy xin phép cha mẹ trước khi ra ngoài!*)

**3. Đáp án: Don't litter**

**Giải thích:** Dựa vào nghĩa của câu, động từ “litter” (vứt rác) ở dạng câu mệnh lệnh phủ định (don't litter) là phù hợp nhất.

**Dịch nghĩa:** We have to keep this area clean. Don't litter here. (*Chúng ta phải giữ cho khu vực này sạch sẽ. Đừng xả rác ở đây.*)